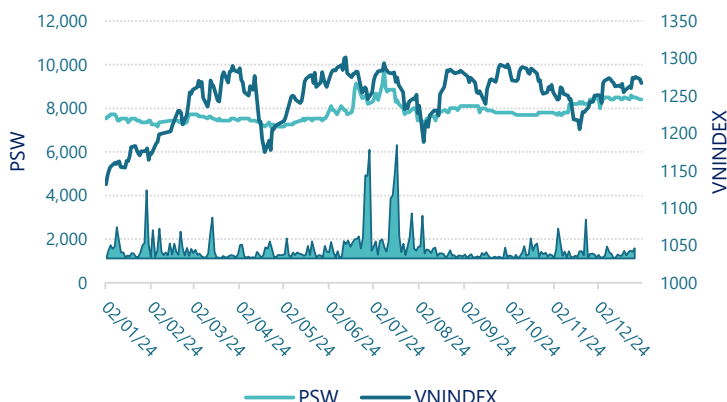


CTCP Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ (HNX: PSW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	8,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,795
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,158
SL cổ phiếu LH	17,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	37,820
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	143
P/E	15.1
EPS	556

DT thuần

Q4/24

840

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 274 | 48.3%

YoY: ▼ 235 | -21.9%

LN sau thuế

Q4/24

4.37

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.46 | 11.9%

YoY: ▲ 7.45 | 242%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

0.5%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

2024

2,708

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 549 | -16.9%

LN sau thuế

2024

9.45

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.39 | 359%

ROE

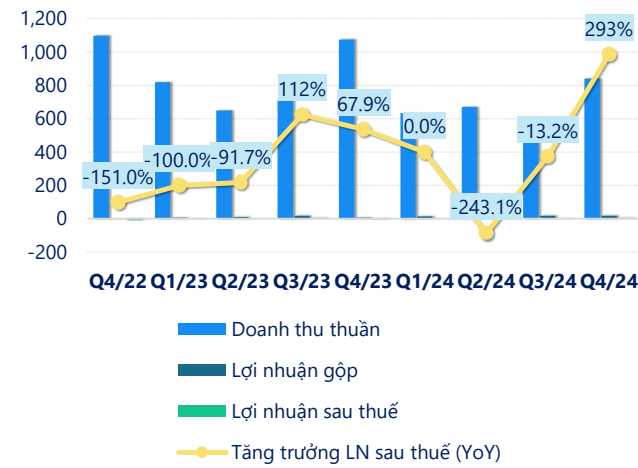
2024

4.7%

+/- YoY: ▲ 3.7%

tỷ VNĐ

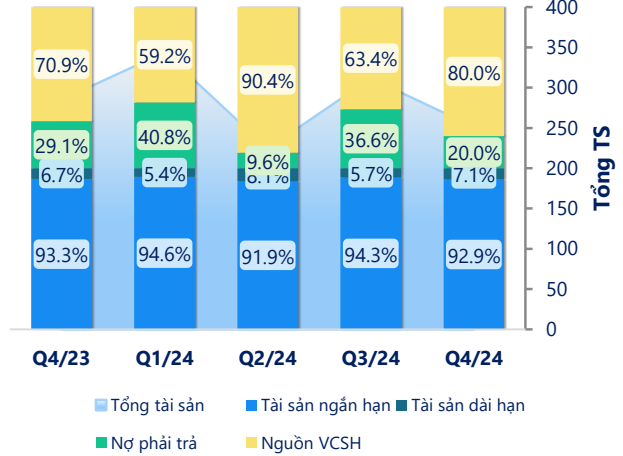
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

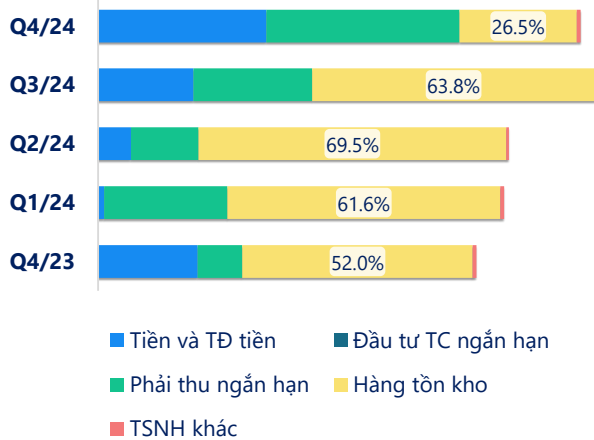
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



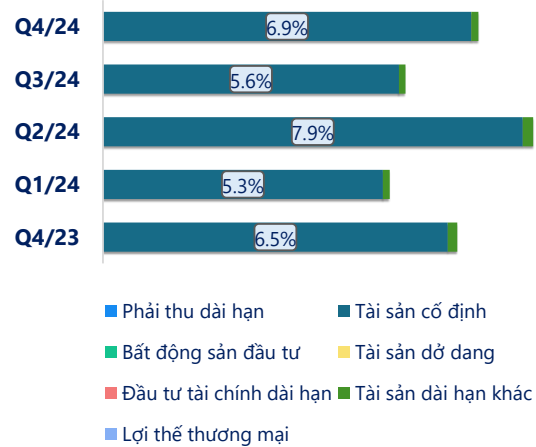
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

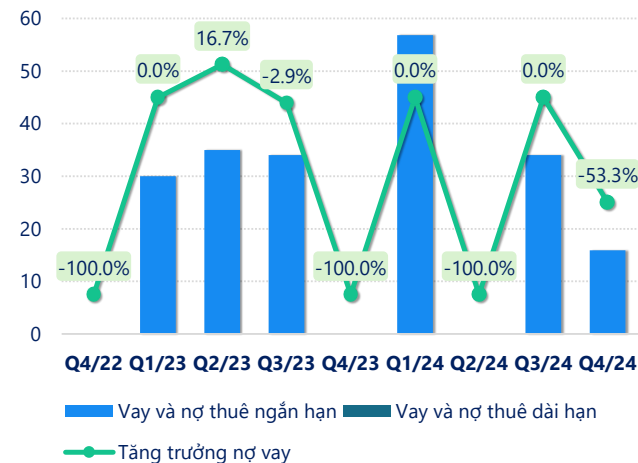
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

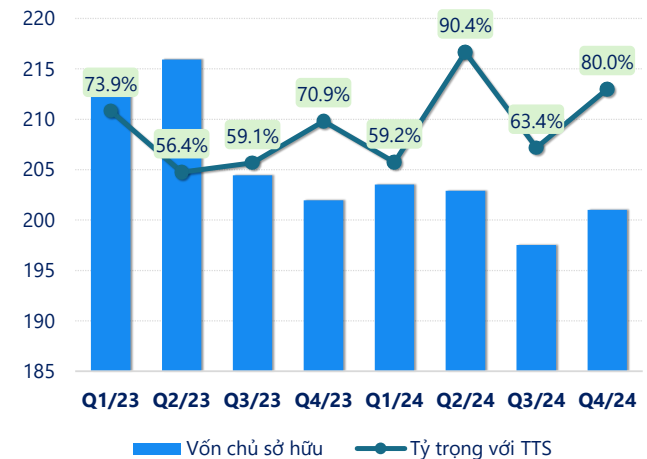
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



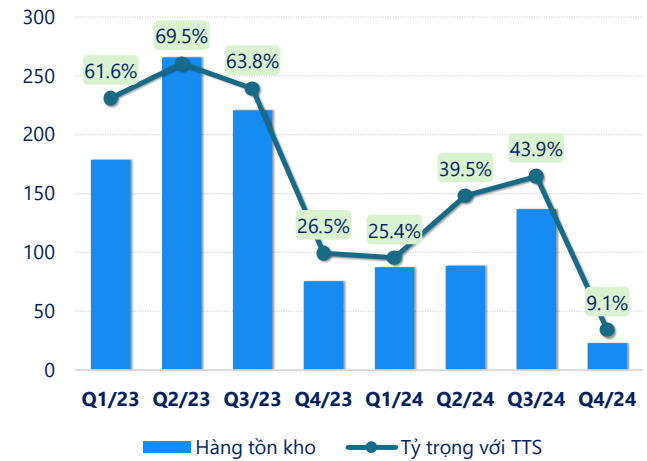
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

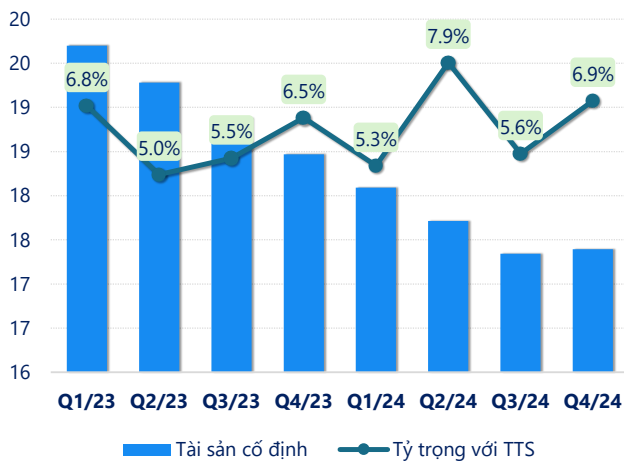

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


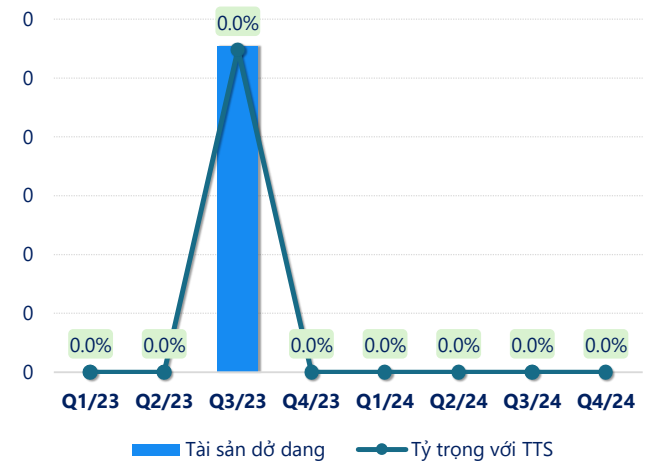
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

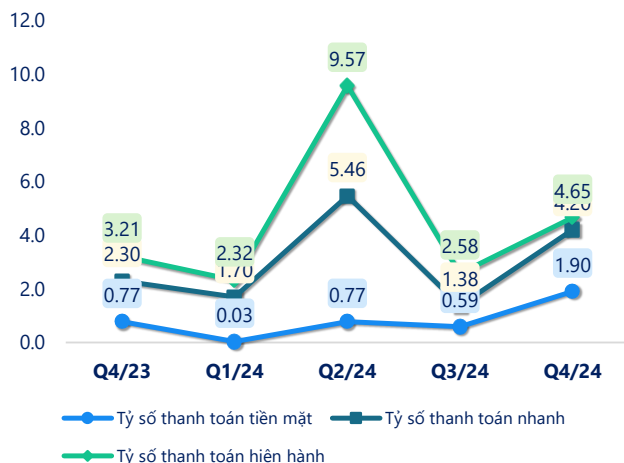
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

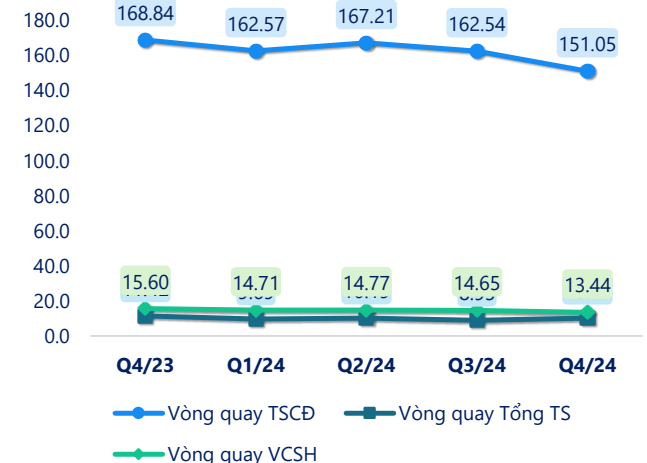
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	285	344	224	312	251
Tài sản ngắn hạn	266	325	206	294	233
Tiền và tương đương tiền	63.9	4.80	16.7	67.1	95.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	124	231	99.5	89.6	115
Hàng tồn kho	75.5	87.5	88.6	137	22.9
Tài sản ngắn hạn khác	2.31	1.75	1.55	0.37	0.14
Tài sản dài hạn	19.0	18.5	18.2	17.7	17.7
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	18.5	18.1	17.7	17.3	17.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.50	0.44	0.45	0.38	0.34
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	82.8	140	21.6	114	50.2
Nợ ngắn hạn	82.8	140	21.6	114	50.2
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	56.8	0	34.0	15.9
Phải trả người bán ngắn hạn	56.6	50.6	2.64	1.54	4.82
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	202	204	203	198	201
Vốn chủ sở hữu	202	204	203	198	201
Vốn điều lệ	170	170	170	170	170
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)